

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-8-2022

V/v “Ly hôn  
và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Thái Hoàng Thi**

2. Ông **Nguyễn Minh Tân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1998; Trú tại: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh P**, sinh năm 1988; Trú tại: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:***

Bà X và ông P đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2021. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau. Bà X và ông P đã sống ly thân từ khi sinh con đầu lòng cho đến nay. Do không còn tình cảm nên nay bà X

yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh P. Bà X không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Chúng Bà X có 01 con chung là Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28/4/2021, hiện đang sống với mẹ. Bà X yêu cầu nuôi cháu L; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

***Ông Nguyễn Anh P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.***

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà X và ông P đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X. Về con chung: bà X được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28/4/2021, ông P không phải cấp dưỡng nuôi chung do bà X tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng đến lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông P là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Anh P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2021 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được

thời gian đầu, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Hai vợ chồng đã không sống chung từ lúc bà X sinh con cho đến nay. Tại biên bản làm việc ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với mẹ ruột của ông P thể hiện: sau khi đi cưới vợ chồng về sống chung gia đình được khoảng 10 ngày thì bà X về nhà ruột ở đến nay; qua trao đổi thì biết được ý kiến của ông P cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận việc làm ăn nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án (BL 36). Tại biên bản làm việc ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với bà Trần Thị Q là bà nội của bà X thể hiện: quá trình chung sống của hai vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông P vắng mặt, cho thấy ông P đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này. Bà X đã nộp đơn yêu cầu ly hôn một lần vào đầu năm 2022 nhưng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng hiện tại bà X tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà X và ông P không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà X và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông P là phù hợp quy định pháp luật. Bà X không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà X và ông P có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28/4/2021, hiện đang sống với bà X. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà X có công việc và thu nhập ổn định, cháu L sống chung với bà X từ nhỏ, vẫn được bà X chăm sóc, phát triển bình thường, hiện dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho cháu L nên giao cháu L cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà X nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà X phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ X đối với ông Nguyễn Anh P. Bà Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với ông Nguyễn Anh P. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Nguyễn Anh P chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ X không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 28/4/2021. Ông Nguyễn Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Mỹ X tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà X khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006511 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Mỹ X đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Tiên Long;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**

